

Số: /2010/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày tháng năm 2010

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin
trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2011 - 2015**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông,

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. Phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước (bao gồm: các Bộ; cơ quan ngang Bộ; cơ quan thuộc Chính phủ; Ủy ban nhân dân các cấp; cơ quan các cấp của Đảng, Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước, Hội đồng nhân dân, Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân; Kiểm toán nhà nước; các đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị - xã hội khác sử dụng ngân sách nhà nước) giai đoạn 2011-2015 (gọi tắt là Chương trình) với những nội dung chủ yếu sau:

A. MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2015 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2020

I. Mục tiêu đến năm 2015

1. Mục tiêu tổng quát

a) Cung cấp thông tin, dịch vụ công trực tuyến mức độ cao, trên diện rộng cho người dân và doanh nghiệp, làm cho hoạt động của cơ quan nhà nước minh bạch hơn, phục vụ người dân và doanh nghiệp tốt hơn.

b) Xây dựng, hoàn thiện các hệ thống thông tin lớn, tạo môi trường làm việc điện tử rộng khắp giữa các cơ quan nhà nước, hướng tới nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí hoạt động của cơ quan nhà nước.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2015

a) Ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ cơ quan nhà nước

- 70% các văn bản, tài liệu chính thức trao đổi giữa các cơ quan nhà nước được trao đổi hoàn toàn dưới dạng điện tử.

- Hầu hết cán bộ, công chức thường xuyên sử dụng hệ thống thư điện tử trong công việc.

- Bảo đảm các điều kiện về kỹ thuật cho 100% các cuộc họp của Thủ tướng Chính phủ với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có thể được thực hiện trên môi trường mạng.

- Bảo đảm các điều kiện về kỹ thuật để 100% hồ sơ quản lý cán bộ công chức các cấp có thể được quản lý chung trên mạng với quy mô quốc gia.

- Triển khai Hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc tới 100% các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Bảo đảm dữ liệu điện tử phục vụ hầu hết các hoạt động trong cơ quan nhà nước.

b) Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp

- 100% các cơ quan nhà nước từ cấp quận, huyện, sở, ban, ngành hoặc tương đương trở lên có cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử cung cấp đầy đủ thông tin theo Điều 28 của Luật Công nghệ thông tin, cung cấp tất cả các dịch vụ công trực tuyến mức độ 2 và hầu hết các dịch vụ công cơ bản trực tuyến tối thiểu mức độ 3 tới người dân và doanh nghiệp.

- 50% hồ sơ khai thuế của người dân và doanh nghiệp được nộp qua mạng.

- 90% cơ quan hải quan các tỉnh, thành phố triển khai thủ tục hải quan điện tử.

- 20% số gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp và dịch vụ tư vấn sử dụng vốn Nhà nước được thực hiện qua mạng; tất cả Kế hoạch đấu thầu, thông báo mời thầu, thông báo mời sơ tuyển, kết quả đấu thầu, danh sách nhà thầu tham

gia được đăng tải trên mạng; thí điểm hình thức mua sắm công tập trung trên mạng.

- 100% hộ chiếu được cấp cho công dân Việt Nam phục vụ công tác xuất, nhập cảnh là hộ chiếu điện tử.

- 30% công dân Việt Nam đủ độ tuổi theo quy định được cấp chứng minh nhân dân sản xuất trên dây chuyền hiện đại, với một số chứng minh nhân dân duy nhất không trùng lặp, chống được làm giả.

- 30% số hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng được nộp qua mạng.

II. Định hướng đến năm 2020

1. Hầu hết các dịch vụ công được cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đáp ứng nhu cầu thực tế, từng bước tích hợp các dịch vụ công phục vụ người dân và doanh nghiệp mọi lúc, mọi nơi, dựa trên nhiều phương tiện khác nhau.

2. Tích hợp các hệ thống thông tin, tạo lập được môi trường mạng rộng khắp phục vụ đa số các hoạt động của các cơ quan nhà nước. Cán bộ, công chức có thể làm việc mọi lúc, mọi nơi dựa trên nhiều phương tiện khác nhau.

B. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

I. Phát triển hạ tầng kỹ thuật

1. Nâng cấp, mở rộng Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước kết nối tới cấp đơn vị trực thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan nhà nước khác trong hệ thống chính trị, tới cấp xã, phường tại các tỉnh, thành phố.

2. Phát triển hệ thống xác thực quốc gia.

3. Xây dựng, triển khai hệ thống chứng thực điện tử và chữ ký số trong các cơ quan thuộc hệ thống chính trị.

4. Phát triển mô hình kết nối các hệ thống thông tin ở Trung ương và địa phương, hướng tới bảo đảm liên thông giữa các hệ thống thông tin của cơ quan, cung cấp dịch vụ công hiệu quả, linh hoạt cho người dân và doanh nghiệp.

5. Nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật bảo đảm ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ cơ quan nhà nước, bao gồm: máy tính, mạng máy tính, các giải pháp an toàn, an ninh thông tin,...

6. Trang bị hạ tầng bảo đảm truy cập thuận tiện tới các dịch vụ công qua nhiều hình thức khác nhau, bao gồm: Cổng thông tin điện tử hoặc trang thông

tin điện tử; trung tâm chăm sóc khách hàng; điện thoại cố định; điện thoại di động; bộ phận một cửa; kiosk và các hình thức khác.

II. Phát triển các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu lớn

1. Các hệ thống thông tin

a) Quản lý văn bản tích hợp trong toàn quốc tới cơ quan nhà nước các cấp, bảo đảm an toàn, an ninh, tính pháp lý của văn bản trao đổi.

b) Thư điện tử quốc gia.

c) Giao ban điện tử đa phương tiện giữa Thủ tướng Chính phủ với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

d) Chỉ đạo, điều hành của Chính phủ trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước.

đ) Tài chính tích hợp.

e) Nộp tờ khai thuế qua mạng Internet.

g) Triển khai thủ tục hải quan điện tử.

h) Ứng dụng thương mại điện tử trong mua sắm Chính phủ.

i) Hộ chiếu điện tử.

k) Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác cấp và quản lý chứng minh nhân dân.

l) Bệnh án điện tử và quản lý hệ thống khám chữa bệnh.

m) Văn bản quy phạm pháp luật thống nhất từ Trung ương tới địa phương.

n) Thống kê về xây dựng.

o) Liệt sĩ và thương bệnh binh.

p) Kiểm toán nhà nước.

2. Các cơ sở dữ liệu

a) Cán bộ, công chức, viên chức.

b) Kinh tế công nghiệp và thương mại.

c) Tài nguyên và môi trường.

- d) Khiếu nại, tố cáo.
- đ) Tài nguyên nông nghiệp trên nền thông tin địa lý.
- e) Người Việt Nam định cư ở nước ngoài.
- g) Biên giới lãnh thổ.
- h) Khoa học và công nghệ.
- i) Lao động, người có công và xã hội.
- k) Các dự án đầu tư.
- l) Thông tin kinh tế - xã hội.
- m) Phân tích và dự báo kinh tế - xã hội.
- n) Doanh nghiệp.
- o) Các chỉ tiêu theo dõi và đánh giá kế hoạch 5 năm.
- p) Lý lịch Tư pháp.

III. Ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ cơ quan nhà nước

1. Nâng cấp, hoàn thiện hệ thống thông tin quản lý văn bản và điều hành của các cấp.
2. Phát triển hệ thống quản lý thông tin tổng thể.
3. Xây dựng mới, nâng cấp và hoàn thiện các ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động nghiệp vụ, đáp ứng nhu cầu công tác tại mỗi cơ quan.
4. Nâng cấp, hoàn thiện các hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin khác trong công tác nội bộ theo hướng hiệu quả hơn, mở rộng kết nối.

IV. Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp

1. Cung cấp tất cả các dịch vụ công trực tuyến mức độ 2. Cho phép người sử dụng tải về các mẫu văn bản và khai báo để hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu và được thông báo tình trạng xử lý các thủ tục hành chính của các cơ quan nhà nước qua mạng.
2. Cung cấp hầu hết các dịch vụ công cơ bản trực tuyến tối thiểu mức độ 3 tới người dân và doanh nghiệp. Danh mục các dịch vụ công trực tuyến được ưu tiên cung cấp tối thiểu ở mức độ 3 tại các tỉnh, thành phố được nêu trong Phụ lục I, tại các Bộ được nêu trong Phụ lục II.

3. Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả, toàn diện tại bộ phận một cửa, một cửa liên thông theo hướng: Bảo đảm khả năng kết nối giữa các hệ thống thông tin tại bộ phận một cửa với cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước, tạo điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân và doanh nghiệp qua mạng Internet; bảo đảm tính liên thông giữa các đơn vị trong quy trình xử lý thủ tục; bảo đảm tin học hóa tối đa các hoạt động trong quy trình thủ tục hành chính.

4. Xây dựng các hệ thống thông tin thiết yếu cho công tác ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp tại các địa phương, đặc biệt là các hệ thống thông tin về dân cư, đất đai. Căn cứ nhu cầu quản lý thực tế, xây dựng các hệ thống thông tin quy mô quốc gia trên cơ sở kết nối, tổng hợp thông tin từ địa phương các cấp.

5. Tăng cường sự tham gia của người dân và doanh nghiệp trong hoạt động của cơ quan nhà nước bằng cách nâng cao hiệu quả kênh tiếp nhận ý kiến góp ý của người dân trên môi trường mạng, tổ chức đối thoại trực tuyến, chuyên mục hỏi đáp trực tuyến về hoạt động của các cơ quan nhà nước.

C. KINH PHÍ THỰC HIỆN

I. Ngân sách trung ương đảm bảo kinh phí xây dựng, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu lớn trên quy mô toàn quốc.

II. Ngân sách trung ương hỗ trợ đối với một số địa phương khó khăn để bảo đảm kinh phí triển khai các nội dung xây dựng hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin tại các địa phương nhằm bảo đảm sự kết nối, liên thông giữa các cơ quan nhà nước khi triển khai các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu lớn có quy mô quốc gia. Các cơ quan chủ trì triển khai các hệ thống này có trách nhiệm đề xuất hỗ trợ kinh phí cho các địa phương. Mức hỗ trợ và đối tượng hỗ trợ cụ thể hàng năm do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

III. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan nhà nước cấp Trung ương, tổ chức chính trị, chính trị - xã hội khác bảo đảm kinh phí thực hiện các dự án, nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ cho hoạt động của mình từ dự toán chi ngân sách hàng năm được cấp có thẩm quyền giao (chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên) và từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

IV. Ngân sách địa phương và các nguồn kinh phí hợp pháp khác bảo đảm thực hiện các dự án, nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ cho hoạt động thuộc phạm vi của địa phương. Trong kế hoạch ngân sách hàng năm của các địa phương phải bao gồm mục chi riêng cho ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

D. GIẢI PHÁP

I. Tổ chức, điều hành

1. Tăng cường hoạt động của Ban Điều hành triển khai công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước; nâng cao vai trò, trách nhiệm của lãnh đạo công nghệ thông tin ở các cấp, các ngành.

2. Hoàn thiện cơ cấu tổ chức quản lý công nghệ thông tin, đặc biệt là cấp quận, huyện trở xuống.

3. Kết hợp chặt chẽ việc triển khai Chương trình này với Chương trình cải cách hành chính để ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước có tác dụng thực sự thúc đẩy cải cách hành chính và tăng hiệu quả của ứng dụng công nghệ thông tin.

II. Bảo đảm ứng dụng công nghệ thông tin đồng bộ

1. Có hướng dẫn chung trên quy mô quốc gia về việc xây dựng các chương trình, kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước.

2. Xác định mô hình ứng dụng công nghệ thông tin điển hình các cấp, đặc biệt là cấp quận, huyện, phường, xã, phổ biến triển khai nhân rộng.

III. Giám sát, đánh giá

1. Thường xuyên kiểm tra, đánh giá tình hình ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước để có những giải pháp thúc đẩy kịp thời. Xem xét đưa tiêu chí hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin vào các phong trào thi đua, bình xét khen thưởng.

2. Xây dựng các phương pháp đánh giá khoa học về ứng dụng công nghệ thông tin phù hợp điều kiện thực tế tại các cơ quan nhà nước và định hướng ứng dụng công nghệ thông tin của Quốc gia.

IV. Nâng cao nhận thức, đào tạo nguồn nhân lực

1. Tổ chức tuyên truyền rộng rãi nhằm nâng cao hiểu biết, nhận thức và các lợi ích trong việc xây dựng Chính phủ điện tử cho cán bộ, công chức, người dân và doanh nghiệp.

2. Tăng cường đào tạo kỹ năng về ứng dụng công nghệ thông tin cho cán bộ, công chức.

3. Bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức chuyên trách về công nghệ thông tin các cấp.

4. Đẩy mạnh hình thức đào tạo trực tuyến cho cán bộ, công chức.

V. Bảo đảm môi trường pháp lý

1. Xây dựng quy định về quy trình trao đổi, lưu trữ, xử lý văn bản điện tử trên toàn quốc. Bảo đảm tận dụng triệt để hạ tầng kỹ thuật được trang bị để trao đổi các văn bản điện tử giữa các cơ quan nhà nước.

2. Xây dựng các chính sách thu hút, phối hợp với doanh nghiệp trong công tác triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan nhà nước. Phát triển các hình thức thuê, khoán trong triển khai ứng dụng công nghệ thông tin.

3. Xây dựng các quy định nhằm giảm giấy tờ, tăng cường chia sẻ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

4. Xây dựng các quy định về an toàn, an ninh thông tin trong các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan nhà nước.

5. Xây dựng các quy chuẩn, tiêu chuẩn về ứng dụng công nghệ thông tin quốc gia.

6. Xây dựng quy định ưu tiên biên chế cán bộ công nghệ thông tin cho các cơ quan nhà nước.

7. Xây dựng chính sách ưu đãi thích hợp cho cán bộ, công chức chuyên trách về công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước.

8. Hoàn thiện các văn bản quy định về tài chính phù hợp đặc thù ứng dụng công nghệ thông tin, bao gồm:

a) Bảo đảm nguồn kinh phí cho ứng dụng công nghệ thông tin trong kế hoạch ngân sách hàng năm của cơ quan nhà nước;

b) Hướng dẫn quản lý đầu tư cho ứng dụng công nghệ thông tin;

c) Xây dựng và ban hành định mức kinh tế kỹ thuật về công nghệ thông tin.

VI. Học tập kinh nghiệm quốc tế

1. Triển khai các hoạt động tìm hiểu thực tế mô hình phát triển Chính phủ điện tử thành công tại các nước.

2. Đào tạo chuyên gia phát triển Chính phủ điện tử của Việt Nam.

3. Phát triển các hệ thống thông tin lớn trong Chính phủ điện tử ở Việt Nam.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Quốc hội, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán Nhà nước, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Trung ương Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam có trách nhiệm:

a) Căn cứ Chương trình này và Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin giai đoạn 2011-2015 của cơ quan mình, xây dựng Kế hoạch và dự toán ngân sách ứng dụng công nghệ thông tin hàng năm gửi Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để tổng hợp, cân đối ngân sách trung ương cho ứng dụng công nghệ thông tin, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chung trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của các cơ quan. Thời gian gửi dự toán ngân sách hàng năm cho ứng dụng công nghệ thông tin cùng thời gian gửi báo cáo dự toán ngân sách hàng năm của cơ quan tới Bộ Tài chính;

b) Kiểm tra, đánh giá và báo cáo định kỳ 6 tháng và đột xuất tình hình thực hiện Chương trình này theo hướng dẫn và yêu cầu của Bộ Thông tin và Truyền thông để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ;

c) Bảo đảm kinh phí (chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên) để thực hiện các nhiệm vụ, dự án ứng dụng công nghệ thông tin theo kế hoạch 5 năm, hàng năm đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

d) Thực hiện quy chuẩn, tiêu chuẩn về ứng dụng công nghệ thông tin quốc gia, báo cáo tình hình thực hiện với Bộ Thông tin và Truyền thông theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Các cơ quan chủ trì các dự án có quy mô quốc gia được nêu trong Phụ lục III có trách nhiệm tổ chức xây dựng, phê duyệt và triển khai các dự án này theo quy định hiện hành về quản lý ngân sách nhà nước, bảo đảm sự lồng ghép về nội dung, kinh phí với các chương trình, kế hoạch, dự án chuyên ngành đang triển khai nếu có, tránh trùng lặp, lãng phí. Cơ quan chủ trì có trách nhiệm gửi hồ sơ dự án lấy ý kiến thẩm định thiết kế sơ bộ của Bộ Thông tin và Truyền thông.

3. Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm:

a) Tăng cường hoạt động của Ban Điều hành triển khai công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

b) Xây dựng, ban hành định mức kinh tế kỹ thuật về công nghệ thông tin;

c) Xây dựng, ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về công nghệ thông tin;

d) Hướng dẫn các cơ quan nhà nước xây dựng kế hoạch hàng năm và dự toán ngân sách hàng năm cho ứng dụng công nghệ thông tin;

đ) Thẩm tra các dự án, nhiệm vụ trong dự toán ngân sách hàng năm cho ứng dụng công nghệ thông tin của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan nhà nước cấp Trung ương khác về mục tiêu, nội dung chuyên môn, tiêu chuẩn kỹ thuật, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chung trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của các cơ quan;

e) Thẩm định thiết kế sơ bộ các dự án được nêu trong Phụ lục III;

g) Hướng dẫn các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan nhà nước cấp Trung ương khác xây dựng báo cáo hàng năm và báo cáo thường xuyên tình hình thực hiện Chương trình này;

h) Kiểm tra và tổng hợp việc thực hiện Chương trình này; xây dựng báo cáo định kỳ 6 tháng gửi Thủ tướng Chính phủ, đề xuất các điều chỉnh nội dung Chương trình cho phù hợp với tình hình ứng dụng công nghệ thông tin trong toàn quốc;

i) Nghiên cứu, đề xuất các phương án nâng cao hiệu quả sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước;

k) Nghiên cứu, đề xuất phương pháp đánh giá mức độ thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước theo định hướng, kế hoạch quốc gia và phương pháp đánh giá mức độ sử dụng và hài lòng của người dân đối với các dịch vụ Chính phủ điện tử;

l) Tổ chức hướng dẫn nghiệp vụ để triển khai kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước 5 năm và hàng năm. Xây dựng tài liệu, tổ chức đào tạo và tập huấn về quản lý dự án công nghệ thông tin;

m) Xây dựng các chính sách thu hút, phối hợp với doanh nghiệp trong công tác triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan nhà nước;

n) Xây dựng các quy định về an toàn, an ninh thông tin trong các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan nhà nước;

o) Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho giám đốc công nghệ thông tin và cán bộ, công chức chuyên trách về công nghệ thông tin;

p) Chỉ đạo, triển khai công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

q) Xác định mô hình ứng dụng công nghệ thông tin điển hình các cấp, phổ biến triển khai nhân rộng;

r) Nghiên cứu, xây dựng công thông tin điện tử quốc gia hỗ trợ các tổ chức, cá nhân truy nhập đến thông tin, dữ liệu của các cơ quan nhà nước;

s) Nghiên cứu triển khai thí điểm, phổ biến nhân rộng hệ thống quản lý thông tin tổng thể.

4. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định việc bố trí vốn sự nghiệp từ ngân sách trung ương cho các dự án, nhiệm vụ trong dự toán ngân sách hàng năm cho ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan nhà nước.

5. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định việc bố trí vốn đầu tư phát triển từ ngân sách trung ương cho các dự án, nhiệm vụ trong dự toán ngân sách hàng năm cho ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan nhà nước.

6. Bộ Nội vụ có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức xây dựng và thực hiện các giải pháp nhằm kết hợp chặt chẽ việc triển khai Chương trình này với Chương trình cải cách hành chính.

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng, ban hành quy định về quy trình trao đổi, lưu trữ, xử lý văn bản điện tử trên toàn quốc.

7. Văn phòng Chính phủ chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ và Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng các quy định nhằm giảm giấy tờ, tăng cường chia sẻ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

8. Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn xây dựng hệ thống thông tin dân cư tại cơ quan nhà nước các cấp.

9. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn xây dựng hệ thống thông tin đất đai tại cơ quan nhà nước các cấp.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 5 năm 2010.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KGVX (5b).

Nguyễn Tấn Dũng

Phụ lục I
DANH MỤC CÁC DỊCH VỤ CÔNG ĐƯỢC ƯU TIÊN CUNG CẤP
TRỰC TUYẾN TỐI THIỂU MỨC 3 TẠI CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2010/QĐ-TTg
ngày tháng năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ)

I. Các dịch vụ cấp tỉnh

STT	Tên dịch vụ	Nhóm/loại hình dịch vụ
1	Đăng ký thành lập doanh nghiệp	Đăng ký kinh doanh
2	Thông báo lập địa điểm kinh doanh	Đăng ký kinh doanh
3	Đăng ký tạm ngừng kinh doanh	Đăng ký kinh doanh
4	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh	Đăng ký kinh doanh
5	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cho chi nhánh, văn phòng đại diện	Cấp Giấy phép thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện
6	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cho chi nhánh, văn phòng đại diện do thay đổi, bổ sung lĩnh vực hoạt động	Cấp Giấy phép thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện
7	Gia hạn Giấy phép hoạt động giới thiệu việc làm cho doanh nghiệp	Lao động, việc làm
8	Cấp số lao động	Lao động, việc làm
9	Cấp Giấy phép công diễn nghệ thuật thời trang	Dịch vụ đặc thù
10	Đổi Giấy phép lái xe	Giao thông vận tải

II. Các dịch vụ cấp Quận, Huyện

STT	Tên dịch vụ	Nhóm/loại hình dịch vụ
1	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh (cấp lại)	Đăng ký kinh doanh
2	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Hợp tác xã (lần đầu)	Đăng ký kinh doanh
3	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh Hợp tác xã	Đăng ký kinh doanh
4	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh	Đăng ký kinh doanh

	doanh Hợp tác xã (cấp lại)	
5	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh (cấp mới)	Đăng ký kinh doanh
6	Giải quyết khiếu nại lần đầu	Giải quyết khiếu nại

Phụ lục II
DANH MỤC CÁC DỊCH VỤ CÔNG ĐƯỢC ƯU TIÊN CUNG CẤP
TRỰC TUYẾN TỐI THIỂU MỨC 3 TẠI CÁC BỘ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /2010/QĐ-TTg
ngày tháng năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ)*

I. Bộ Ngoại giao

STT	Tên dịch vụ
1	Đăng ký trực tuyến cấp phát hộ chiếu ngoại giao công vụ (cho 08 thủ tục cấp mới, cấp lại, gia hạn, bổ sung hộ chiếu ngoại giao, công vụ)
2	Đăng ký trực tuyến đề nghị cấp công hàm cho cán bộ công chức các Bộ ngành đi công tác nước ngoài
3	Hợp pháp hóa và chứng nhận lãnh sự qua mạng áp dụng ở trong nước
4	Cấp lại bản chính Giấy khai sinh đã đăng ký tại các Cơ quan đại diện Việt Nam và cấp bản sao giấy tờ hộ tịch đã đăng ký tại các Cơ quan đại diện Việt Nam
5	Đăng ký trực tuyến cấp phát hộ chiếu ngoại giao, công vụ, phổ thông (cho 11 thủ tục cấp mới, gia hạn, bổ sung hộ chiếu ngoại giao, công vụ và phổ thông)
6	Hợp pháp hóa và chứng nhận lãnh sự qua mạng áp dụng ở Cơ quan đại diện Việt Nam
7	Đăng ký trực tuyến quản lý công dân Việt Nam ở nước ngoài
8	Đăng ký trực tuyến cấp Giấy khai sinh tại nước ngoài (cho 3 thủ tục liên quan: (1) Đăng ký khai sinh cho trẻ em sinh ra ở nước ngoài và có quốc tịch Việt Nam theo quy định của Luật quốc tịch Việt Nam; (2) Đăng ký khai sinh quá hạn cho người sinh ra ở nước ngoài và có quốc tịch Việt Nam theo quy định của Luật quốc tịch Việt Nam; (3) Đăng ký lại việc sinh cho công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài, mà việc hộ tịch đó trước đây đã được đăng ký tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài)
9	Đăng ký trực tuyến cấp Giấy chứng nhận tử ở nước ngoài (cho 3 thủ tục liên quan: (1) Đăng ký việc tử cho công dân Việt Nam chết ở nước ngoài; (2) Đăng ký khai tử quá hạn cho công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài; (3) Đăng ký lại việc tử cho công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài mà việc hộ tịch đó trước đây đã được đăng ký tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài)

10	Đăng ký trực tuyến việc nhận nuôi con nuôi, nhận cha mẹ, giám hộ công dân tại Cơ quan đại diện Việt Nam
11	Đăng ký trực tuyến cấp Giấy chứng nhận kết hôn và Giấy xác nhận đủ điều kiện kết hôn (cho 3 thủ tục liên quan: (1) Đăng ký kết hôn giữa hai bên nam nữ là công dân Việt Nam tạm trú ở nước ngoài; (2) Đăng ký kết hôn giữa công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài với người nước ngoài; (3) Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho công dân Việt Nam trong thời gian cư trú ở nước ngoài)
12	Dịch vụ công cấp phát: (1) Cấp lại bản chính Giấy khai sinh đã đăng ký khai sinh tại Cơ quan đại diện Việt Nam, mà sổ đăng ký sự kiện hộ tịch đó đang lưu tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài. (2) Bản sao giấy tờ hộ tịch cho công dân Việt Nam đã đăng ký tại Cơ quan đại diện Việt Nam, mà sổ đăng ký các sự kiện hộ tịch đó đang lưu tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài. (3) Ghi vào sổ hộ tịch các việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã đăng ký tại các cơ quan có thẩm quyền nước ngoài.
13	Chứng thực Hợp đồng, di chúc, giấy ủy quyền, các đoạn trích tài liệu, bản sao, bản chụp các giấy tờ tài liệu, bản dịch ở nước ngoài
14	Tra cứu, xin thôi, xin trở lại quốc tịch: (1) Cấp Giấy chứng nhận có quốc tịch Việt Nam (2) Cấp Giấy xác nhận không có quốc tịch Việt Nam đối với người đã thành niên (3) Cấp Giấy xác nhận không có quốc tịch Việt Nam đối với người chưa thành niên (dưới 15 tuổi) (4) Cấp Giấy xác nhận mất quốc tịch Việt Nam (5) Trở lại quốc tịch Việt Nam (với cá nhân) (6) Trở lại quốc tịch Việt Nam (với gia đình) (7) Xin thôi quốc tịch Việt Nam (với cá nhân) (8) Xin thôi quốc tịch Việt Nam (với gia đình) (9) Xin nhập quốc tịch Việt Nam (với cá nhân) (10) Xin nhập quốc tịch Việt Nam (với gia đình)
15	Thủ tục hồi hương (đăng ký thường trú ở Việt Nam)
16	Cấp thị thực qua mạng
17	Đăng ký trực tuyến đề nghị cấp thị thực cho các Ngoại giao Đoàn các nước tại Hà Nội
18	Dịch vụ ưu đãi miễn trừ dành cho các cơ quan đại diện ngoại giao tại Việt Nam (cho 5 thủ tục: (1) Đăng ký, gia hạn chứng minh thư, giấy lưu trú của Đoàn Ngoại giao;

	<p>(2) Đăng ký ô tô, xe máy; Chuyển nhượng ô tô, xe máy; Tái xuất ô tô, xe máy của Đoàn Ngoại giao;</p> <p>(3) Đăng ký nhập khẩu hàng trong và ngoài định lượng của Đoàn Ngoại giao;</p> <p>(4) Đề nghị hoàn thuế giá trị gia tăng (VAT) của Đoàn Ngoại giao;</p> <p>(5) Đăng ký, gia hạn sử dụng đài thông tin vệ tinh (thủ tục xin cấp giấy phép)</p>
--	---

II. Bộ Tư pháp

STT	Tên dịch vụ
1	Đăng ký giao dịch bảo đảm bằng động sản (trừ tàu bay, tàu biển)
2	Đăng ký thay đổi nội dung giao dịch bảo đảm đã đăng ký là động sản bằng động sản (trừ tàu bay, tàu biển)
3	Sửa chữa sai sót giao dịch bảo đảm bằng động sản (trừ tàu bay, tàu biển)
4	Xóa đăng ký giao dịch bảo đảm bằng động sản (trừ tàu bay, tàu biển)
5	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm bằng động sản (trừ tàu bay, tàu biển)
6	Cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng động sản (trừ tàu bay, tàu biển)
7	Đăng ký hợp đồng
8	Đăng ký thay đổi nội dung hợp đồng đã đăng ký
9	Sửa chữa sai sót về hợp đồng
10	Xóa đăng ký hợp đồng

III. Bộ Tài chính

STT	Tên dịch vụ
1	Đăng ký dự thi lấy chứng chỉ kiểm toán viên (thi lần đầu)
2	Đăng ký dự thi lấy chứng chỉ kiểm toán viên (thi lại)
3	Đăng ký dự thi lấy chứng chỉ hành nghề kế toán (thi lần đầu)
4	Đăng ký dự thi lấy chứng chỉ hành nghề kế toán (thi lại)
5	Đăng ký danh sách kiểm toán viên hành nghề
6	Đăng ký dự thi lấy chứng chỉ kiểm toán viên đối với người đã có chứng chỉ kiểm toán viên nước ngoài
7	Đăng ký dự thi lấy chứng chỉ kiểm toán viên đối với người đã có

	chứng chỉ hành nghề kế toán
8	Đăng ký tham gia kiểm toán cho tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán
9	Thủ tục và thời hạn bổ nhiệm kế toán trưởng hoặc phụ trách kế toán đối với đơn vị kế toán thuộc hoạt động thu, chi ngân sách trung ương
10	Thủ tục và thời hạn bổ nhiệm kế toán trưởng hoặc phụ trách kế toán đối với đơn vị kế toán cấp I thuộc trung ương, đơn vị sự nghiệp do cơ quan nhà nước thành lập tự cân đối thu - chi thuộc trung ương
11	Đăng ký dự thi cấp thẻ thẩm định giá lần đầu đối với công dân Việt Nam
12	Đăng ký dự thi sát hạch đối với công dân Việt Nam có chứng chỉ hành nghề thẩm định giá do tổ chức nước ngoài có thẩm quyền cấp được Bộ Tài chính thừa nhận
13	Đăng ký dự thi sát hạch cấp thẻ thẩm định giá lần đầu đối với người nước ngoài có chứng chỉ hành nghề thẩm định giá do tổ chức nước ngoài có thẩm quyền cấp được Bộ Tài chính thừa nhận
14	Đăng ký dự thi cấp thẻ thẩm định viên về giá các lần tiếp theo
15	Cấp đổi thẻ thẩm định viên về giá
16	Cấp lại thẻ thẩm định viên về giá do bị mất, bị rách
17	Đăng ký hành nghề thẩm định giá lần đầu
18	Đăng ký hành nghề thẩm định giá các lần tiếp theo
19	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xổ số; sửa đổi, bổ sung cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xổ số
20	Cấp mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách dùng cho các đơn vị dự toán (đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước, các đơn vị khác có quan hệ với ngân sách thuộc cấp ngân sách trung ương)
21	Cấp mã số đơn vị có quan hệ ngân sách dùng cho các dự án đầu tư xây dựng cơ bản giai đoạn chuẩn bị đầu tư (chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng cơ bản ở giai đoạn chuẩn bị đầu tư nằm trong kế hoạch vốn đầu thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước, nguồn vốn ODA được giao hàng năm, thuộc cấp ngân sách Trung ương)
22	Cấp mã số đơn vị có quan hệ ngân sách dùng cho các dự án đầu tư xây dựng cơ bản giai đoạn thực hiện đầu tư (chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng cơ bản ở giai đoạn thực hiện đầu tư nằm trong kế hoạch vốn đầu thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước, nguồn vốn ODA được giao hàng năm, thuộc cấp ngân sách Trung ương)
23	Cấp mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách các dự án đầu tư xây dựng cơ bản chuyên giai đoạn (từ giai đoạn "chuẩn bị đầu tư" sang giai đoạn "thực hiện dự án") - (trường hợp chủ đầu tư của dự án đầu tư

	xây dựng cơ bản chuyển giai đoạn sau khi có quyết định thực hiện các giai đoạn tiếp theo của dự án, thuộc cấp ngân sách Trung ương)
24	Quyết định và công bố giá trị doanh nghiệp thuộc thẩm quyền của Bộ, cơ quan ngang Bộ
25	Tiếp nhận hồ sơ Hải quan điện tử gồm: Tờ khai điện tử; Tờ khai trị giá; Hóa đơn thương mại; Hợp đồng thương mại; Vận đơn; Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa; Giấy phép; Đơn đề nghị chuyển cửa khẩu
26	Quản lý cấp giấy phép trực tuyến: Tiếp nhận giấy phép từ các Bộ, ngành; Quản lý trừ lùi giấy phép.
27	Quản lý thu thuế, phí, lệ phí liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu: Giấy nộp tiền điện tử; Giấy bảo lãnh điện tử; Tình trạng nợ thuế, phí, lệ phí của tờ khai xuất nhập khẩu; Trao đổi thông tin về việc thanh toán thuế, phí, lệ phí, bảo lãnh với ngân hàng.
28	Tra cứu: Tra cứu thông tin nợ thuế, phí, lệ phí đối với tờ khai xuất nhập khẩu; Tra cứu trạng thái hồ sơ hải quan (hồ sơ đăng thuộc khâu nào trong các khâu của quy trình nghiệp vụ Hải quan)
29	Thông báo kế hoạch tổ chức các Hội nghị đối thoại của Cơ quan thuế, các khóa đào tạo tập huấn, các lớp hướng dẫn về chính sách, thủ tục về thuế cho Người nộp thuế để đăng ký tham gia
30	Tiếp nhận các câu hỏi, yêu cầu giải đáp, hướng dẫn hoặc phản hồi của Người nộp thuế
31	Nộp tờ khai thuế điện tử
32	Đăng ký thuế điện tử
33	Nộp thuế điện tử
34	Hoàn thuế điện tử
35	Cung cấp thông tin về Mã số thuế hỗ trợ Người nộp thuế xác định tình trạng hoạt động của đối tác
36	Cung cấp thông tin về số liệu thuế để nộp thuế đối chiếu nghĩa vụ thuế với cơ quan thuế qua mạng
37	Trung bày ý kiến của Người nộp thuế về các chủ trương thay đổi thủ tục hành chính thuế
38	Đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng
39	Đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển đổi thành công ty cổ phần
40	Đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã chuyển đổi thành công ty cổ phần
41	Đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng doanh nghiệp thành lập

	mới thuộc lĩnh vực cơ sở hạ tầng hoặc công nghệ cao
42	Đăng ký chào bán trái phiếu doanh nghiệp có đảm bảo ra công chúng
43	Đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng
44	Đăng ký chào bán trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm theo chứng quyền hoặc chứng quyền kèm theo cổ phiếu ưu đãi ra công chúng
45	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty
46	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức và phát hành cổ phiếu thưởng
47	Đăng ký công ty đại chúng
48	Đăng ký chào mua công khai
49	Đăng ký tham gia kiểm toán cho tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán
50	Đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán
51	Đề nghị bổ sung nghiệp vụ kinh doanh của công ty chứng khoán
52	Đề nghị chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi công ty chứng khoán
53	Đề nghị thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện công ty chứng khoán
54	Đề nghị rút bớt nghiệp vụ kinh doanh của công ty chứng khoán
55	Đề nghị tăng, giảm vốn điều lệ của công ty chứng khoán
56	Đề nghị tạm ngừng hoạt động công ty chứng khoán
57	Đề nghị thực hiện giao dịch làm thay đổi quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp từ 10% trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán
58	Đề nghị giải thể công ty chứng khoán trước thời hạn
59	Đề nghị thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty chứng khoán
60	Đề nghị thay đổi tên công ty, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện công ty chứng khoán
61	Đề nghị đóng cửa văn phòng đại diện công ty chứng khoán
62	Đóng cửa chi nhánh công ty chứng khoán
63	Đề nghị đóng cửa phòng giao dịch công ty chứng khoán
64	Đề nghị lập văn phòng đại diện công ty chứng khoán
65	Đề nghị lập phòng giao dịch công ty chứng khoán
66	Thành lập chi nhánh công ty chứng khoán
67	Thành lập và hoạt động Văn phòng đại diện của công ty chứng khoán

	nước ngoài tại Việt Nam
68	Đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán
69	Đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán
70	Đề nghị chuyển đổi chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán
71	Đề nghị cấp phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán
72	Báo cáo tăng, giảm vốn điều lệ công ty quản lý quỹ
73	Đề nghị giải thể, phá sản công ty quản lý quỹ
74	Thành lập và hoạt động Văn phòng đại diện của công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam
75	Đề nghị thay đổi tên công ty quản lý quỹ
76	Đề nghị thành lập chi nhánh công ty quản lý quỹ
77	Đề nghị đóng chi nhánh công ty quản lý quỹ
78	Đề nghị tạm ngừng hoạt động công ty quản lý quỹ
79	Đề nghị thay đổi địa điểm trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện công ty quản lý quỹ
80	Đề nghị chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi công ty quản lý quỹ
81	Đề nghị đóng văn phòng đại diện công ty quản lý quỹ
82	Đề nghị chấp thuận giao dịch làm thay đổi quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp chiếm từ 10% trở lên vốn điều lệ đã góp của công ty quản lý quỹ
83	Thành lập văn phòng đại diện công ty quản lý quỹ
84	Thành lập quỹ thành viên
85	Báo cáo tăng, giảm vốn điều lệ quỹ thành viên
86	Đăng ký lập quỹ công chúng
87	Đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đại chúng
88	Đăng ký chào bán cổ phiếu của công ty đầu tư chứng khoán ra công chúng
89	Đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán
90	Đăng ký cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến
91	Khai báo phiếu giao nhận hồ sơ giao dịch kiểm soát chi qua mạng và giao dịch một cửa với Kho bạc Nhà nước
92	Dịch vụ công giao diện thông tin yêu cầu thanh toán qua mạng và chương trình kê khai yêu cầu thanh toán

93	Việc đăng ký mở và sử dụng tài khoản tại Kho bạc Nhà nước
94	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập và hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm trường hợp đổi tên doanh nghiệp
95	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập và hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm trường hợp thay đổi địa điểm trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện

IV. Bộ Công Thương

STT	Tên dịch vụ
1	Cấp Giấy phép hoạt động điện lực
2	Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp
3	Cấp Giấy xác nhận khai báo hóa chất nguy hiểm
4	Cấp Giấy phép xuất nhập khẩu tiền chất sử dụng trong lĩnh vực công nghiệp
5	Phê duyệt hạn ngạch xuất, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp và Nitrat amôn hàm lượng cao
6	Cấp Giấy phép xuất nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp và Nitrat amôn hàm lượng cao
7	Khiếu nại và điều tra, xử lý vụ việc cạnh tranh
8	Thông báo tập trung kinh tế
9	Đề nghị hưởng miễn trừ đối với thỏa thuận hạn chế cạnh tranh và tập trung kinh tế
10	Điều tra xử lý vụ việc chống bán phá giá
11	Điều tra xử lý vụ việc chống trợ cấp
12	Điều tra xử lý vụ việc tự vệ
13	Khiếu nại, tố cáo về hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng
14	Xác nhận/không xác nhận đăng ký sửa đổi/bổ sung nội dung chương trình khuyến mại theo hình thức bán hàng, cung ứng dịch vụ kèm theo việc tham gia chương trình mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn từ 2 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên hoặc theo hình thức quy định tại Điều 17 Nghị định số 37/2006/NĐ -CP
15	Xác nhận/không xác nhận đăng ký tổ chức Hội chợ/triển lãm thương mại ở nước ngoài
16	Xác nhận/không xác nhận việc thay đổi, bổ sung nội dung đăng ký tổ

	chức Hội chợ/triển lãm thương mại ở nước ngoài
17	Thẩm định hồ sơ của các doanh nghiệp tham gia chương trình Thương hiệu quốc gia
18	Hệ thống chữ ký số và chứng thực chữ ký số
19	Cấp Chứng nhận xuất xứ
20	Cấp Giấy phép nhập khẩu tự động
21	Cấp Giấy phép nhập khẩu súng đạn thể thao
22	Quy trình cấp Giấy phép kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu xăng dầu
23	Cấp Giấy phép kinh doanh thuốc lá
24	Cấp Giấy phép kinh doanh rượu
25	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí đốt hóa lỏng
26	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xăng dầu
27	Cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa
28	Cấp Giấy phép nhượng quyền thương mại giữa thương nhân nước ngoài và thương nhân Việt Nam
29	Phê duyệt Kế hoạch nhập khẩu tạm nhập tái xuất vật tư, máy móc thiết bị của nhà thầu nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực xây dựng tại Việt Nam
30	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chế biến nguyên liệu thuốc lá
31	Cấp Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá

V. Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội

STT	Tên dịch vụ
1	Báo cáo danh sách trích ngang đối với người nước ngoài làm việc tại Việt Nam không phải cấp Giấy phép lao động
2	Thông báo khi người nước ngoài đến chào bán dịch vụ
3	Thông báo về người nước ngoài đến làm việc
4	Cấp lại Giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài khi giấy phép bị mất, bị cháy, bị hư hỏng
5	Đăng ký hợp đồng đối với các doanh nghiệp dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài
6	Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập trên 90 ngày
7	Báo cáo đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài của các tổ chức sự nghiệp của Nhà nước

8	Báo cáo đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài của các doanh nghiệp Việt Nam trúng thầu nhận thầu ở nước ngoài
9	Báo cáo đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài của các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư ra nước ngoài
10	Kiểm định kỹ thuật an toàn

VI. Bộ Thông tin và Truyền thông

STT	Tên dịch vụ
1	Hệ thống đăng ký cấp phép tần số qua mạng
2	Giấy chứng nhận đăng ký chương trình liên kết phát thanh truyền hình
3	Giấy phép mua tin kinh tế
4	Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp
5	Công bố hợp quy đối với sản phẩm thuộc “Danh mục sản phẩm chuyên ngành công nghệ thông tin và truyền thông bắt buộc phải chứng nhận và công bố hợp quy” ban hành kèm theo Thông tư số 07/2009/TT-BTTTT ngày 24/3/2009 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông
6	Công bố sự phù hợp đối với công trình kỹ thuật chuyên ngành viễn thông
7	Dịch vụ khiếu nại
8	Dịch vụ tố cáo
9	Cấp mã số quản lý đối với nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn; nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng thư điện tử và nhà cung cấp dịch vụ nhắn tin qua mạng Internet
10	Gia hạn mã số quản lý đối với nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn; nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng thư điện tử và nhà cung cấp dịch vụ nhắn tin qua mạng Internet
11	Cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ chuyển phát thư
12	Xác nhận đăng ký là đại lý chuyển phát thư cho tổ chức chuyển phát nước ngoài
13	Xác nhận thông báo kinh doanh dịch vụ chuyển phát
14	Cấp giấy phép nhập khẩu Tem Bưu chính
15	Đăng ký hoạt động Nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam

VII. Bộ Nội vụ

STT	Tên dịch vụ
1	Cấp Giấy phép mới sản xuất, kinh doanh sản phẩm mật mã dân sự
2	Cấp Giấy phép mới sản xuất, kinh doanh sản phẩm mật mã dân sự sau khi giấy phép cũ hết hạn
3	Thay đổi, bổ sung nội dung danh mục đã được cấp phép
4	Cấp lại Giấy phép sản xuất, kinh doanh sản phẩm mật mã dân sự trong trường hợp giấy phép bị mất
5	Cấp lại Giấy phép sản xuất, kinh doanh sản phẩm mật mã dân sự trong trường hợp giấy phép bị rách, nát.
6	Cấp lại Giấy phép sản xuất, kinh doanh sản phẩm mật mã dân sự trong trường hợp thay đổi chứng nhận đăng ký kinh doanh
7	Khen thưởng Huân chương Lao động cho tập thể, cá nhân về thành tích đột xuất
8	Khen thưởng Huân chương Chiến công cho tập thể, cá nhân có thành tích đột xuất
9	Khen thưởng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ về thành tích đột xuất
10	Nộp hồ sơ đăng ký thi tuyển cán bộ, công chức, viên chức nhà nước
11	Phục vụ độc giả tại phòng đọc
12	Cấp bản sao
13	Chứng thực lưu trữ

VIII. Bộ Y tế

STT	Tên dịch vụ
1	Cấp, gia hạn, cấp lại do mất chứng chỉ hành nghề y tư nhân qua mạng
2	Cấp, gia hạn, cấp lại do mất Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề y tư nhân qua mạng
3	Cho phép tổ chức các đợt khám, chữa bệnh nhân đạo
4	Cho phép người nước ngoài làm công việc chuyên môn tại Việt Nam
5	Tiếp nhận và xem xét hồ sơ kê khai giá thuốc
6	Tiếp nhận và xem xét hồ sơ kê khai lại giá thuốc

7	Cấp số tiếp nhận công bố sản phẩm mỹ phẩm
8	Cấp Giấy tiếp nhận hồ sơ thông tin, quảng cáo thuốc
9	Cấp Giấy phép nhập khẩu thiết bị y tế
10	Đăng ký thử thuốc trên lâm sàng
11	Cấp Giấy chứng nhận tiêu chuẩn thực phẩm thông thường nhập khẩu
12	Cấp Giấy chứng nhận tiêu chuẩn sản phẩm thực phẩm biến đổi gen nhập khẩu
13	Cấp Giấy chứng nhận tiêu chuẩn sản phẩm thực phẩm chức năng nhập khẩu
14	Cấp Giấy chứng nhận tiêu chuẩn sản phẩm thực phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ nhỏ nhập khẩu (thuộc nhóm thực phẩm chức năng)
15	Cấp Giấy chứng nhận tiêu chuẩn sản phẩm thực phẩm dinh dưỡng y học nhập khẩu (thuộc nhóm thực phẩm chức năng)
16	Cấp Giấy chứng nhận tiêu chuẩn sản phẩm thực phẩm dinh dưỡng qua ống xông nhập khẩu (thuộc nhóm thực phẩm chức năng)
17	Cấp Giấy chứng nhận tiêu chuẩn thực phẩm chiếu xạ nhập khẩu
18	Cấp Giấy chứng nhận tiêu chuẩn sản phẩm đối với Phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm nhập khẩu
19	Cấp Giấy chứng nhận tiêu chuẩn sản phẩm đối với Phụ gia thực phẩm hạn chế sử dụng nhập khẩu
20	Cấp Giấy chứng nhận tiêu chuẩn sản phẩm thực phẩm chức năng sản xuất trong nước
21	Cấp Giấy chứng nhận tiêu chuẩn sản phẩm thực phẩm dinh dưỡng qua ống xông sản xuất trong nước (thuộc nhóm thực phẩm chức năng)
22	Cấp Giấy chứng nhận tiêu chuẩn sản phẩm thực phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ nhỏ sản xuất trong nước
23	Cấp Giấy chứng nhận tiêu chuẩn sản phẩm thực phẩm dinh dưỡng y học sản xuất trong nước (thuộc nhóm thực phẩm chức năng)
24	Cấp Giấy chứng nhận tiêu chuẩn thực phẩm thực phẩm sản xuất trong nước là thực phẩm chiếu xạ

IX. Bộ Khoa học và Công nghệ

STT	Tên dịch vụ
1	Hệ thống nộp đơn sở hữu công nghiệp trực tuyến
2	Đăng ký thực hiện đề tài nghiên cứu cơ bản trong khoa học tự nhiên
3	Đăng ký đề nghị tài trợ tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế tại Việt Nam
4	Đăng ký đề nghị tài trợ, tham dự hội nghị, hội thảo khoa học tại nước ngoài
5	Đăng ký đề nghị tài trợ thực tập, hợp tác nghiên cứu ngắn hạn ở nước ngoài
6	Đăng ký đề nghị tài trợ công bố công trình khoa học
7	Đăng ký thực hiện đề tài nghiên cứu cơ bản trong khoa học xã hội và nhân văn
8	Đăng ký hỗ trợ kinh phí cho doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ
9	Đăng ký thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đột xuất phát sinh
10	Đăng ký lĩnh vực hoạt động đánh giá sự phù hợp (thuộc trách nhiệm Bộ Khoa học và Công nghệ)
11	Cấp chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển giao công nghệ

X. Bộ Tài Nguyên và Môi trường

STT	Tên dịch vụ
1	Cấp phép hành nghề vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại
2	Cấp, bổ sung, gia hạn và cấp lại Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ
3	Tham khảo, cung cấp tài liệu địa chất và khoáng sản
4	Thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do tổ chức, công dân phát hiện cấp tỉnh đã cấp trái pháp luật
5	Thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do tổ chức, công dân phát hiện cấp huyện đã cấp trái pháp luật
6	Cho thuê đất nông nghiệp đối với hộ gia đình, cá nhân
7	Giao đất làm nhà ở đối với hộ gia đình, cá nhân tại nông thôn không thuộc trường hợp phải đấu giá quyền sử dụng đất
8	Giao đất nông nghiệp đối với hộ gia đình, cá nhân.

Phụ lục III

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN QUY MÔ QUỐC GIA

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2010/QĐ-TTg
ngày tháng năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ)

I. Phát triển hạ tầng kỹ thuật

TT	Tên dự án	Cơ quan chủ trì	Ghi chú
1	Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước	Bộ Thông tin và Truyền thông	
2	Hệ thống xác thực quốc gia	Bộ Thông tin và Truyền thông	
3	Hệ thống chứng thực điện tử và chữ ký số trong các cơ quan nhà nước	Bộ Nội vụ	
4	Mô hình kết nối các hệ thống thông tin ở Trung ương và địa phương	Bộ Thông tin và Truyền thông	

II. Phát triển các hệ thống thông tin

TT	Tên dự án	Cơ quan chủ trì	Ghi chú
1	Hệ thống thông tin quản lý văn bản tích hợp trong toàn quốc cho các cơ quan Chính phủ	Bộ Thông tin và Truyền thông	
2	Hệ thống thư điện tử quốc gia	Bộ Thông tin và Truyền thông	
3	Hệ thống giao ban điện tử đa phương tiện giữa Thủ tướng Chính phủ với các Bộ, ngành, địa phương	Văn phòng Chính phủ	
4	Hệ thống thông tin chỉ đạo, điều hành của Chính phủ trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước	Văn phòng Chính phủ	
5	Hệ thống thông tin tài chính tích hợp	Bộ Tài chính	
6	Xây dựng và triển khai thí điểm hệ thống nộp tờ khai thuế qua mạng Internet	Bộ Tài chính	

7	Triển khai thủ tục hải quan điện tử	Bộ Tài chính	
8	Ứng dụng thương mại điện tử trong mua sắm Chính phủ	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	
9	Hệ thống thông tin hộ chiếu điện tử	Bộ Công an	
10	Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác cấp và quản lý chứng minh nhân dân	Bộ Công an	
11	Bệnh án điện tử và quản lý hệ thống khám chữa bệnh	Bộ Y tế	
12	Hệ thống thông tin về văn bản quy phạm pháp luật thống nhất từ Trung ương tới địa phương	Bộ Tư pháp	
13	Hệ thống thông tin thống kê về xây dựng	Bộ Xây dựng	
14	Hệ thống thông tin về liệt sĩ và thương bệnh binh	Bộ Quốc phòng	
15	Hệ thống thông tin kiểm toán nhà nước	Kiểm toán Nhà nước	

III. Phát triển các cơ sở dữ liệu

TT	Tên dự án	Cơ quan chủ trì	Ghi chú
1	Cơ sở dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức.	Bộ Nội vụ	
2	Cơ sở dữ liệu quốc gia kinh tế công nghiệp và thương mại	Bộ Công Thương	
3	Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài nguyên và môi trường	Bộ Tài nguyên và Môi trường	
4	Cơ sở dữ liệu quốc gia về khiếu nại, tố cáo	Thanh tra Chính phủ	
5	Cơ sở dữ liệu tài nguyên nông nghiệp trên nền thông tin địa lý	Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	
6	Cơ sở dữ liệu quốc gia về người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Bộ Ngoại giao	

7	Cơ sở dữ liệu quốc gia về Biên giới lãnh thổ	Bộ Ngoại giao	
8	Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ	Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam	
9	Cơ sở dữ liệu quốc gia về lao động, người có công và xã hội	Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội	
10	Cơ sở dữ liệu quốc gia về các dự án đầu tư	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	
11	Cơ sở dữ liệu quốc gia về thông tin kinh tế - xã hội.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	
12	Cơ sở dữ liệu quốc gia về phân tích và dự báo kinh tế - xã hội	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	
13	Cơ sở dữ liệu quốc gia về các chỉ tiêu theo dõi và đánh giá kế hoạch 5 năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	
14	Cơ sở dữ liệu quốc gia về Lý lịch Tư pháp	Bộ Tư pháp	